TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2018
V/v Tranh chấp ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Kim Thanh;

2. Ông Huỳnh Văn Chớ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh: Ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 537/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn**:*** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984.
Trú tại: Tổ 9, ấp S, xã T, huyện C, tỉnh N.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976.
Trú tại: Tổ 9, ấp S, xã T, huyện C, tỉnh N.
Chị T có mặt tại tòa, anh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai ngày 25/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, huyện C, tỉnh N. Cuộc sống vợ, chồng hạnh phúc bình thường đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu về nhà gây chuyện nên vợ chồng cãi vã nhau. Anh T ghen tuông vô cớ. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị T không còn tình cảm với anh T và yêu cầu xin

ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 24/3/2004 và Nguyễn Dũy K, sinh ngày 28/10/2008. Hiện 02 con chung đang sống với chị T, chị T xin nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị T về thời gian anh chị chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2004. Quá trình chung sống hạnh phúc bình thường, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị T có nhắn tin tình cảm với người đàn ông khác nên anh T khó chịu, khi uống rượu về nhà có chửi vợ nhưng thật sự anh T còn thương không muốn ly hôn. Nay vợ anh chị T kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Anh thống nhất với trình bày của chị T về con chung, nếu ly hôn thì anh xin nuôi cháu Nguyễn Dũy K, sinh ngày 28/10/2008 và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 55; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T.

Về quan hệ con chung: Hai con chung là Nguyễn Thị Thùy D và Nguyễn Dũy K hiện đang sống với chị T. Tại phiên tòa chị T xin nuôi 02 con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện các cháu đang đi học và sống ổn định bên mẹ, cháu D và cháu K có nguyện vọng sống với chị T nên cần giao hai cháu cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Không chấp nhận yêu cầu xin nuôi cháu K của anh T.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên Tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T đã có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Lý do anh T bận công việc không thể tham dự tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy nguyên nhân xin ly hôn của chị T cho rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng có mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu, ghen tuông vô cớ. Từ đó vợ chồng hay cự cãi với nhau. Tình cảm giữa chị T, anh T không còn, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Tiến xin ly hôn và anh Nguyễn Văn T cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị T, anh T.

[3] Về con chung: Chị T và anh T thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 24/3/2004 và Nguyễn Dũy K , sinh ngày 28/10/2008.

Chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung không yêu cầy anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T xin nuôi cháu Dũy K không cấp dưỡng nuôi con

Xét yêu cầu xin nuôi con của chị T và anh T; Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện chị T có công việc, có thu nhập và 02 cháu D, K đang đi học sống chung với chị T nên cần ổn định cuộc sống và sự phát triển bình thường của các cháu, học hành, đưa rước các cháu nên cần giao 02 con chung cho chị T trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục là có cơ sở. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung. Bác yêu cầu xin nuôi cháu K của anh T là phù hợp

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị T và anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 24/3/2004 và Nguyễn Dũy K, sinh ngày 28/10/2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhân chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0024754 ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình.

"Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- UBND xã Tân Hòa
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cái Thị Minh Tâm